

Số: 09/2012/TT-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2012

THÔNG TƯ

Hướng dẫn điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng theo Nghị định số 35/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 và Nghị định số 31/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ

Căn cứ Nghị định số 186/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 35/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc (sau đây được viết là Nghị định số 35/2012/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 31/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu chung (sau đây được viết là Nghị định số 31/2012/NĐ-CP);

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Bảo hiểm xã hội;

Bộ trưởng Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư hướng dẫn điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng theo Nghị định số 35/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 và Nghị định số 31/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ.

Điều 1. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức, công nhân, viên chức và người lao động (kể cả người nghỉ hưu hưởng trợ cấp hàng tháng từ quỹ bảo hiểm xã hội nông dân Nghệ An chuyển sang theo quy định tại Quyết định số 41/2009/QĐ-TTg ngày 16 tháng 3 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ); quân nhân, công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu đang hưởng lương hưu trước ngày 01 tháng 5 năm 2012.

2. Cán bộ xã, phường, thị trấn quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009, Nghị định số 121/2003/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2003 và Nghị định số 09/1998/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 1998 của Chính phủ đang hưởng lương hưu, trợ cấp hàng tháng trước ngày 01 tháng 5 năm 2012.

3. Người đang hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng; người đang hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 91/2000/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2000, Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ và công nhân cao su đang hưởng trợ cấp hàng tháng trước ngày 01 tháng 5 năm 2012.

4. Người đang hưởng trợ cấp tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp hàng tháng trước ngày 01 tháng 5 năm 2012.

5. Người đang hưởng trợ cấp tuất hàng tháng trước ngày 01 tháng 5 năm 2012.

6. Người đang hưởng trợ cấp ốm đau, thai sản trước ngày 01 tháng 5 năm 2012 thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định mà từ ngày 01 tháng 5 năm 2012 trở đi còn thời hạn hưởng trợ cấp theo quy định.

Điều 2. Điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng

1. Đối tượng quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 1 Thông tư này đang hưởng lương hưu, trợ cấp hàng tháng, mức lương hưu, trợ cấp hàng tháng từ ngày 01 tháng 5 năm 2012 được điều chỉnh như sau:

$$\text{Mức lương hưu, trợ cấp hàng tháng từ ngày 01/5/2012} = \text{Mức lương hưu, trợ cấp tháng 4/2012} \times 1,265$$

Ví dụ 1: Ông A, có mức lương hưu tháng 4/2012 là 2.893.600 đồng/tháng.

Mức lương hưu của ông A từ tháng 5/2012 được điều chỉnh như sau:

$$2.893.600 \text{ đồng/tháng} \times 1,265 = 3.660.404 \text{ đồng/tháng}$$

Ví dụ 2: Ông B là cán bộ xã nghỉ việc, hưởng trợ cấp hàng tháng theo quy định tại Nghị định số 09/1998/NĐ-CP, có mức trợ cấp tháng 4/2012 là 1.076.800 đồng/tháng.

Mức trợ cấp hàng tháng của ông B từ tháng 5/2012 được điều chỉnh như sau:

$$1.076.800 \text{ đồng/tháng} \times 1,265 = 1.362.152 \text{ đồng/tháng}$$

Ví dụ 3: Ông C, nghỉ việc hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng, có mức trợ cấp tháng 4/2012 là 1.169.300 đồng/tháng.

Mức trợ cấp mất sức lao động của ông C từ tháng 5/2012 được điều chỉnh như sau:

$$1.169.300 \text{ đồng/tháng} \times 1,265 = 1.479.165 \text{ đồng/tháng}$$

2. Đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư này, mức trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng tháng từ ngày 01 tháng 5 năm 2012 được điều chỉnh như sau:

a) Đối với người đang hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trợ cấp tai nạn lao động,} \\ \text{bệnh nghề nghiệp hàng tháng} \\ \text{từ ngày 01/5/2012} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Mức trợ cấp tai nạn lao} \\ \text{động, bệnh nghề nghiệp} \\ \text{tháng 4/2012} \end{array} \times 1,265$$

Ví dụ 4: Ông E, đang hưởng trợ cấp tai nạn lao động hàng tháng, mức trợ cấp tháng 4/2012 là 496.500 đồng/tháng.

Mức trợ cấp tai nạn lao động hàng tháng của ông E từ tháng 5/2012 được điều chỉnh như sau:

$$496.500 \text{ đồng/tháng} \times 1,265 = 628.073 \text{ đồng/tháng}$$

b) Đối với người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp điều trị xong ra viện hoặc có kết luận của Hội đồng giám định y khoa (đối với trường hợp không điều trị nội trú) trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2011 đến 30 tháng 4 năm 2012 mà chưa được giải quyết chế độ thì mức trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp vẫn tính theo mức lương tối thiểu chung tại tháng ra viện hoặc có kết luận của Hội đồng giám định y khoa; từ ngày 01 tháng 5 năm 2012, mức trợ cấp của đối tượng này được điều chỉnh theo quy định tại điểm a khoản này.

c) Đối với người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đang hưởng trợ cấp phục vụ, thì từ ngày 01 tháng 5 năm 2012, mức trợ cấp phục vụ hàng tháng được tính theo mức lương tối thiểu chung 1.050.000 đồng/tháng.

3. Đối tượng hưởng trợ cấp tuất hàng tháng quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư này, mức trợ cấp từ ngày 01 tháng 5 năm 2012 được điều chỉnh như sau:

a) Mức trợ cấp tuất đối với thân nhân đang hưởng trợ cấp tuất hàng tháng từ ngày 01 tháng 5 năm 2012 được tính theo mức lương tối thiểu chung 1.050.000 đồng/tháng.

Ví dụ 5: Ông H, đang hưởng trợ cấp tuất đối với thân nhân không có người trực tiếp nuôi dưỡng với mức trợ cấp hàng tháng bằng 70% mức lương tối thiểu chung. Từ ngày 01 tháng 5 năm 2012 mức trợ cấp tuất của ông H là:

$$70\% \times 1.050.000 \text{ đồng/tháng} = 735.000 \text{ đồng/tháng.}$$

b) Đối với người chết trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2011 đến 30 tháng 4 năm 2012 mà thân nhân chưa được giải quyết chế độ tuất thì mức trợ cấp tuất hàng tháng của các tháng trước ngày 01 tháng 5 năm 2012 được tính theo mức lương tối thiểu chung 830.000 đồng/tháng. Từ ngày 01 tháng 5 năm 2012, mức trợ cấp tuất hàng tháng của đối tượng trên được điều chỉnh theo quy định tại điểm a khoản này.

4. Đối tượng quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư này mà từ ngày 01 tháng 5 năm 2012 trở đi vẫn còn thời hạn hưởng trợ cấp, thì mức trợ cấp của thời gian được hưởng còn lại được tính theo mức lương tối thiểu chung 1.050.000 đồng/tháng.

5. Quân nhân, công an nhân dân chuyển ngành rồi nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động đã được hưởng phụ cấp chuyển ngành theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 812/TTg ngày 12 tháng 12 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ, thì từ ngày 01 tháng 5 năm 2012 khoản phụ cấp chuyển ngành được tính theo mức lương tối thiểu chung 1.050.000 đồng/tháng.

6. Người đang hưởng lương hưu mà sống cô đơn theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 812/TTg ngày 12 tháng 12 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ, nếu mức lương hưu điều chỉnh theo khoản 1 Điều này thấp hơn 1.575.000 đồng/tháng, thì từ ngày 01 tháng 5 năm 2012 được điều chỉnh bằng 1.575.000 đồng/tháng.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo Sở Lao động- Thương binh và Xã hội và các cơ quan chức năng có liên quan kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các quy định tại Thông tư này.

2. Bảo hiểm xã hội Việt Nam có trách nhiệm triển khai thực hiện việc điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng quy định tại Nghị định số 35/2012/NĐ-CP, Nghị định số 31/2012/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này; lập báo cáo theo mẫu đính kèm Thông tư này gửi Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 6 năm 2012.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 6 năm 2012; các chế độ quy định tại Thông tư này được thực hiện kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2012.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội để nghiên cứu, giải quyết./ *Ngã*

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng CP;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- VP TƯ Đảng và các Ban của Đảng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Sở LĐ-TB&XH các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Công báo; Website Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- Lưu; VT, PC, BHXH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phạm Minh Huân